

Số: **20/2020/QĐST-HNGĐ**

*Điện Biên Phủ, ngày 15 tháng 12 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN T LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị Vân H**; sinh năm: 1994; địa chỉ: xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- **Bị đơn:** Anh **Phương Văn T**; sinh năm: 1994; địa chỉ: tổ x, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị Vân H và anh Phương Văn T.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị Vân H** và anh **Phương Văn T** thuận tình ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị Vân H trực tiếp nuôi hai con chung là cháu **Phương Trúc Lâm**, sinh ngày 22/8/2016 và **Phương Minh Khang**, sinh ngày 08/4/2019 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, trừ trường hợp có sự thay đổi khác. Anh **Phương Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Về tiền án phí: Chị Vũ Thị Vân H nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0000348 ngày 23/10/2020. Trả lại cho chị Vũ Thị Vân H 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên;
- Viện kiểm sát TP;
- Chi cục THADS TP;
- UBND p. Nam ThH - TP Điện Biên Phủ - Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
**(đã ký)**

**Phan Văn Khanh**